TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 64/2022/QĐST-HNGĐ	*Tp. C, ngày 26 tháng 5 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C

Căn cứ vào Điều 397, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 60/2022/TLST–VHNGĐ, ngày 05 tháng 5 năm 2022 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Số 54, Tổ 6, Ấp 4, xã MT, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Anh Trần Văn T1, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số 54, Tổ 6, Ấp 4, xã MT, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng chị T và anh T1 kết hôn vào ngày 26/7/2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MT và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 131 ngày 12/11/2008. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2012 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vả nhau nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng cảm thấy không thể hòa hợp với nhau. Vợ chồng anh chị đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay chị T và anh T1 nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được nên anh chị thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Tòa án tiến hành hòa giải để động viên chị T và anh T1 đoàn tụ để tiếp tục xây dựng cuộc sống gia đình. Tuy nhiên, chị T và anh T1 không thống nhất đoàn tụ vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T và

anh T1 vẫn thống nhất thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Ngọc T và anh Trần Văn T1.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Nguyễn TN, sinh ngày 08/11/2009 và Trần Nguyễn TV, sinh ngày 12/6/2012. Hiện hai con chung đang sống chung với vợ chồng. Chị T và anh T1 thống nhất sau khi ly hôn chị T sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu TN, anh T1 không cấp dưỡng nuôi con, anh T1 sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu TV, chị T không cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh T1 thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Ngọc T và anh Trần Văn T1 tự nguyện chịu lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc T và anh Trần Văn T1 thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Nguyễn TN, sinh ngày 08/11/2009 và Trần Nguyễn TV, sinh ngày 12/6/2012. Hiện hai con chung đang sống chung với vợ chồng. Chị T và anh T1 thống nhất sau khi ly hôn chị T sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu TN, anh T1 không cấp dưỡng nuôi con, anh T1 sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu TV, chị T không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không được quyền nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không được quyền nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được quyền nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không được quyền nuôi con chung.

Người được quyền nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không được quyền nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Ngọc T và anh Trần Văn T1 tự nguyện chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình được khấu trừ vào T1 tạm ứng lệ phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba

trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005621 ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Chị Nguyễn Ngọc T và anh Trần Văn T1 đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TPCL;
- Chi cục THADS TPCL;
-UBND xã MT, TPCL,
GCNKH số 131; ngày 12/11/2008);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đoàn Thị Cẩm Hừng